

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm và gói thầu**

- Tên dự toán: Sửa chữa, bảo trì hệ thống bếp lò hơi cơ khí, bếp dầu, bếp điện năm 2025
- Tên gói thầu: Sửa chữa, bảo trì hệ thống bếp lò hơi cơ khí, bếp dầu, bếp điện năm 2025
- Nguồn vốn: QPTX năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, Một túi hồ sơ.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày.

#### **2. Mục tiêu công việc:**

Sửa chữa, bảo trì, kiểm định an toàn hệ thống bếp lò hơi cơ khí, bếp dầu, bếp điện đáp ứng những tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng để kéo dài niên hạn sử dụng bếp, bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành sử dụng.

#### **3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

##### **3.1. Yêu cầu chung**

- Hàng hóa, thiết bị, vật tư, phụ kiện hệ thống bếp lò hơi cơ khí, bếp dầu, bếp điện được thay thế trong kế hoạch sửa chữa, bảo trì phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Thời gian bảo hành cho toàn bộ gói thầu tối thiểu 12 tháng được tính kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống bếp lò hơi cơ khí, cụ thể:
  - + Quy trình kiểm định nồi hơi của hệ thống bếp lò hơi cơ khí tương đương hoặc cao hơn quy trình kiểm định nồi hơi (QTKĐ 07:2020/BQP: Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi – Hệ thống bếp lò hơi cơ khí, ban hành kèm theo Thông tư số 1114/2020/TT-BQP ngày 18/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng);
  - + Quy trình kiểm định nồi nấu của hệ thống bếp lò hơi cơ khí tương đương hoặc cao hơn quy trình kiểm định nồi nấu (QTKĐ 08:2020/BQP: Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi nấu – Hệ thống bếp lò hơi cơ khí, ban hành kèm theo Thông tư số 1114/2020/TT-BQP ngày 18/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).

3.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể

| STT | Danh mục dịch vụ      | Địa điểm thực hiện dịch vụ   | Nội dung sửa chữa, thay mới |                                                   |        |            |                                                   |
|-----|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Bếp lò hơi cơ khí D70 | La Gián, Hòa Lạc, Hà Nội     | STT                         | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|     |                       |                              | 1                           | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|     |                       |                              | 2                           | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|     |                       |                              | 3                           | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 4                           | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 5                           | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 6                           | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|     |                       |                              | 7                           | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|     |                       |                              | 8                           | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|     |                       |                              | 9                           | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 2   | Bếp lò hơi cơ khí D70 | Đồng Phú, Nam Cường, Lào Cai | STT                         | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|     |                       |                              | 1                           | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|     |                       |                              | 2                           | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|     |                       |                              | 3                           | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 4                           | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 5                           | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|     |                       |                              | 6                           | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|     |                       |                              | 7                           | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |

|   |                        |                              |     |                                                   |        |            |                                                   |
|---|------------------------|------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
|   |                        |                              | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                        |                              | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 3 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Đồng Phú, Nam Cường, Lào Cai | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                        |                              | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                        |                              | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                        |                              | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                        |                              | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                        |                              | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                        |                              | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 4 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Đồng Phú, Nam Cường, Lào Cai | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                        |                              | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                        |                              | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                        |                              | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                              | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                        |                              | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                        |                              | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                        |                              | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|   |                        |                                      |     |                                                   |        |            |                                                   |
|---|------------------------|--------------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 5 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                        |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                        |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                        |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                        |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                        |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                        |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 6 | Bếp lò hơi cơ khí D70  | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                        |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                        |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                        |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                        |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                        |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                        |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                        |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|   |                       |                                      |     |                                                   |        |            |                                                   |
|---|-----------------------|--------------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 7 | Bếp lò hơi cơ khí D70 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 8 | Bếp lò hơi cơ khí D70 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|   |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|   |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|   |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|   |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|   |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|   |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|   |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|    |                       |                                      |     |                                                   |        |            |                                                   |
|----|-----------------------|--------------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 9  | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 10 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|    |                       |                                      |     |                                                   |        |            |                                                   |
|----|-----------------------|--------------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 11 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 12 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Khu phố 2,<br>Sao Vàng,<br>Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                                      | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                                      | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                                      | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                                      | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                                      | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                                      | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                                      | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|    |                       |                            |     |                                                   |        |            |                                                   |
|----|-----------------------|----------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 13 | Bếp lò hơi cơ khí D70 | Kiềm, Lạng Giang, Bắc Ninh | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                            | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                            | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                            | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                            | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                            | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                            | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 14 | Bếp lò hơi cơ khí D70 | Xuân Bách, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                            | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                            | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                            | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                            | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                            | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                            | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                            | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |

|    |                       |                              |     |                                                   |        |            |                                                   |
|----|-----------------------|------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
| 15 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Dược Thượng, Sóc Sơn, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                              | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                              | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                              | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                              | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                              | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                              | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 16 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Bắc Thượng, Nội Bài, Hà Nội  | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                       |                              | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                       |                              | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                       |                              | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                       |                              | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                       |                              | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                       |                              | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                       |                              | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 17 | Bếp lò hơi cơ khí D40 | Phù Liễn, Hải Phòng          | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |

|    |                        |                        |     |                                                   |        |            |                                                   |
|----|------------------------|------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|---------------------------------------------------|
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi xào                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                        |                        | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 2          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 4          | Van Thép, D34                                     |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                        |                        | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                        |                        | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 18 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |
|    |                        |                        | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                          |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                     |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                    |
|    |                        |                        | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp |
|    |                        |                        | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                |
| 19 | Bếp lò hơi cơ khí D250 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                 |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                        |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                   |

|    |                        |                        |     |                                                   |        |            |                                                             |
|----|------------------------|------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|-------------------------------------------------------------|
|    |                        |                        | 3   | Quạt cấp gió                                      | Cái    | 1          | Điện áp 220V, công suất 0,5kW, lưu lượng từ 2m3/h đến 5m3/h |
|    |                        |                        | 4   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 2          | Van Thép, D34                                               |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                              |
|    |                        |                        | 8   | Ghi lò                                            | Cái    | 1          | Gang Xám                                                    |
|    |                        |                        | 9   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp           |
|    |                        |                        | 10  | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                          |
| 20 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                           |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                                  |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                             |
|    |                        |                        | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                               |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                              |
|    |                        |                        | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp           |
|    |                        |                        | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                          |
| 21 | Bếp lò hơi cơ khí D250 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                           |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                                  |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                             |

|    |                        |                        |     |                                                   |        |            |                                                             |
|----|------------------------|------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|-------------------------------------------------------------|
|    |                        |                        | 3   | Quạt cấp gió                                      | Cái    | 1          | Điện áp 220V, công suất 0,5kW, lưu lượng từ 2m3/h đến 5m3/h |
|    |                        |                        | 4   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 2          | Van Thép, D34                                               |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                              |
|    |                        |                        | 8   | Ghì lò                                            | Cái    | 1          | Gang Xám                                                    |
|    |                        |                        | 9   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp           |
|    |                        |                        | 10  | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                          |
| 22 | Bếp lò hơi cơ khí D150 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                           |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                                  |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                             |
|    |                        |                        | 3   | Van an toàn                                       | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 4   | Van xả tự động                                    | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                                    |
|    |                        |                        | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 3          | Van Thép, D34                                               |
|    |                        |                        | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 1,5        | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                              |
|    |                        |                        | 8   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp           |
|    |                        |                        | 9   | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                          |
| 23 | Bếp lò hơi cơ khí D250 | Khu E, Nội Bài, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                           |
|    |                        |                        | 1   | Thân ngoài, đáy ngoài nồi nấu                     | Cái    | 1          | Thép A515 GR60; dày 5±0,05                                  |
|    |                        |                        | 2   | Đồng hồ đo áp suất                                | Cái    | 1          |                                                             |

|    |                    |                              |     |                                                   |        |            |                                                                                                          |
|----|--------------------|------------------------------|-----|---------------------------------------------------|--------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                    |                              | 3   | Quạt cấp gió                                      | Cái    | 1          | Điện áp 220V, công suất 0,5kW, lưu lượng từ 2m <sup>3</sup> /h đến 5m <sup>3</sup> /h                    |
|    |                    |                              | 4   | Van an toàn                                       | Cái    | 2          | Van Thép                                                                                                 |
|    |                    |                              | 5   | Van xả nước ngưng                                 | Cái    | 3          | Van Thép                                                                                                 |
|    |                    |                              | 6   | Van xả đáy                                        | Cái    | 2          | Van Thép, D34                                                                                            |
|    |                    |                              | 7   | Đường ống cấp hơi                                 | m      | 2          | SUS 304; Ø21 ± 1; dày 3 ± 0,02                                                                           |
|    |                    |                              | 8   | Ghi lò                                            | Cái    | 1          | Gang Xám                                                                                                 |
|    |                    |                              | 9   | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp | HT     | 1          | Vệ sinh, bảo dưỡng, tẩy rửa làm sạch hệ thống bếp                                                        |
|    |                    |                              | 10  | Kiểm định hệ thống bếp                            | HT     | 1          | Kiểm định hệ thống                                                                                       |
| 24 | Bếp dầu đôi 30-K20 | Bắc Má, Lạng Giang, Bắc Ninh | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                              | 1   | Động cơ bơm phun dầu                              | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 593:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|    |                    |                              | 2   | Hộp điều khiển đốt dầu động cơ                    | Hộp    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 3   | Bình ắc qui khô                                   | Bình   | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 4   | Bộ kính thủy                                      | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 5   | Van gạt 25                                        | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 6   | Van gạt 20                                        | Cái    | 4          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 7   | Rơ le nhiệt độ                                    | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 8   | Aptomats 2 cực                                    | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                              | 9   | Rơ le báo mức nước + để                           | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 25 | Bếp điện 30-K18    | Kiềm, Lạng Giang, Bắc Ninh   | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                       | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                              | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng                | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP     |
|    |                    |                              | 2   | Gioăng tủ com                                     | Bộ     | 1          |                                                                                                          |

|    |                     |                          |     |                                    |        |            |                                                                                                          |
|----|---------------------|--------------------------|-----|------------------------------------|--------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     |                          | 3   | Thanh điện trở loại 1kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 26 | Bếp dầu đôi 200-K20 | Phù Liễn, Hải Phòng      | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                     |                          | 1   | Động cơ bơm phun dầu               | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 589:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|    |                     |                          | 2   | Hộp điều khiển đốt dầu động cơ     | Hộp    | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 3   | Bình ắc qui khô                    | Bình   | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 4   | Van gạt 15                         | Cái    | 2          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 5   | Bộ điều khiển đốt dầu động cơ      | Cụm    | 1          |                                                                                                          |
| 27 | Bếp điện 60-K18     | La Gián, Hòa Lạc, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                     |                          | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2104:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP     |
|    |                     |                          | 2   | Đồng hồ cơ đo nhiệt độ tủ cơm      | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 3   | Thanh điện trở loại 1,5kw tủ cơm   | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 28 | Bếp điện 60-K18     | La Gián, Hòa Lạc, Hà Nội | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                     |                          | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2104:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP     |
|    |                     |                          | 2   | Đồng hồ cơ đo nhiệt độ tủ cơm      | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 3   | Thay mới Bình đun nước             | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 4   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ lốm   | Cụm    | 1          |                                                                                                          |
|    |                     |                          | 5   | Cụm bản lề tủ cơm                  | Cụm    | 2          |                                                                                                          |

|    |                 |                                    |     |                                    |        |            |                                                                                                      |
|----|-----------------|------------------------------------|-----|------------------------------------|--------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                 |                                    | 6   | Thanh điện trở loại 3kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 29 | Bếp điện 30-K18 | Đồng Phú,<br>Nam Cường,<br>Lào Cai | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                                    | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ lõm   | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                                    | 2   | Thanh điện trở loại 2kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 30 | Bếp điện 60-K18 | Nam Liên,<br>Vĩnh Hưng,<br>Nghệ An | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                                    | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ Lõm   | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2104:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                                    | 2   | Đồng hồ cơ đo nhiệt độ tủ cơm      | Cái    | 1          |                                                                                                      |
|    |                 |                                    | 3   | Thanh điện trở loại 1,5kw tủ cơm   | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 31 | Bếp điện 30-K18 | Đồng Phú,<br>Nam Cường,<br>Lào Cai | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                                    | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                                    | 2   | Gioăng tủ cơm                      | Bộ     | 1          |                                                                                                      |
|    |                 |                                    | 3   | Thanh điện trở loại 1kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 32 | Bếp điện 30-K18 | Phù Liễn, Hải Phòng                | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                                    | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          |                                                                                                      |

|    |                 |                     |     |                                    |        |            |                                                                                                      |
|----|-----------------|---------------------|-----|------------------------------------|--------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                 |                     | 2   | Thanh điện trở loại 2kw tủ cơm     | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
| 33 | Bếp điện 30-K18 | Phù Liễn, Hải Phòng | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                     | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                     | 2   | Thanh điện trở loại 2kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 34 | Bếp điện 30-K18 | Phù Liễn, Hải Phòng | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                     | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ lõm   | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                     | 2   | Thanh điện trở loại 2kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 35 | Bếp điện 30-K18 | Phù Liễn, Hải Phòng | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                     | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ lõm   | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                     | 2   | Gioăng tủ cơm                      | Bộ     | 1          |                                                                                                      |
|    |                 |                     | 3   | Thanh điện trở loại 1kw tủ cơm     | Cái    | 1          |                                                                                                      |
| 36 | Bếp điện 30-K18 | Phù Liễn, Hải Phòng | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới        | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                    |
|    |                 |                     | 1   | Bộ điện từ sinh nhiệt bếp từ phẳng | Cụm    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP |
|    |                 |                     | 2   | rơ le nhiệt độ bình đun nước       | Cái    | 1          |                                                                                                      |

|    |                    |                            |     |                                         |        |            |                                                                                                          |
|----|--------------------|----------------------------|-----|-----------------------------------------|--------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                    |                            | 3   | cụm mâm điện trở bình đun nước          | Cụm    | 1          |                                                                                                          |
| 37 | Bếp dầu đôi 30-K20 | Kiềm, Lạng Giang, Bắc Ninh | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới             | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                            | 1   | Động cơ bơm phun dầu                    | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 593:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|    |                    |                            | 2   | Hộp điều khiển đốt dầu động cơ          | Hộp    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 3   | Bình ắc qui khô                         | Bình   | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 4   | Bộ kính thủy                            | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 5   | Van xoay 15 lắp kính thủy               | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 6   | Rơ le nhiệt độ                          | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 7   | Aptomats 2 cực                          | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 8   | Rơ le báo mức nước + để                 | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 38 | Bếp điện 60-K18    | La Gián, Hòa Lạc, Hà Nội   | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới             | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                            | 1   | Thay mới Bình đun nước                  | Bộ     | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2104:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP     |
|    |                    |                            | 2   | Quạt mâm dây đồng bếp từ mặt phẳng, lõm | Bộ     | 2          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 3   | Thay mặt cánh tủ cơm                    | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 4   | Gioăng tủ cơm                           | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                            | 5   | Thanh điện trở loại 1,5kw tủ cơm        | Cái    | 2          |                                                                                                          |
| 39 | Bếp điện 30-K18    | La Gián, Hòa Lạc, Hà Nội   | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới             | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                            | 1   | Thay mới Bình đun nước                  | Bộ     | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN/QS 2105:2021 Ban hành theo thông tư số 83/2021/TT-BQP     |
|    |                    |                            | 2   | Quạt mâm dây đồng bếp từ mặt phẳng, lõm | Bộ     | 2          |                                                                                                          |

|    |                    |                                |     |                                               |        |            |                                                                                                          |
|----|--------------------|--------------------------------|-----|-----------------------------------------------|--------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                    |                                | 3   | Thay mới 01 nồi từ đáy phẳng (Ø320 cao 240)mm | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 4   | Thay mới 01 chảo từ đáy cong (Ø500 cao 185)mm | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 5   | Gioăng tủ cơm                                 | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
| 40 | Bếp dầu đôi 60-K20 | Khu phố 2, Sao Vàng, Thanh Hóa | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                   | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                                | 1   | Bộ điều khiển đốt dầu động cơ                 | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 592:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|    |                    |                                | 2   | Hộp điều khiển đốt dầu động cơ                | Hộp    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 3   | Bình ắc qui khô                               | Bình   | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 4   | Bộ kính thủy                                  | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 5   | Van xả tự động (xả cóc)                       | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 6   | Aptomats 2 cực                                | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 41 | Bếp dầu đôi 30-K20 | Nam Liên, Vĩnh Hưng, Nghệ An   | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                   | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                                | 1   | Động cơ bơm phun dầu                          | Cái    | 1          | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 593:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|    |                    |                                | 2   | Hộp điều khiển đốt dầu động cơ                | Hộp    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 3   | Bình ắc qui khô                               | Bình   | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 4   | Bộ kính thủy                                  | Bộ     | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 5   | Van Thoát hơi                                 | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 6   | Rơ le nhiệt độ                                | Cái    | 1          |                                                                                                          |
|    |                    |                                | 7   | Rơ le báo mức nước + để                       | Cái    | 1          |                                                                                                          |
| 42 | Bếp dầu đôi 60-K20 | Phù Liễn, Hải Phòng            | STT | Nội dung sửa chữa, thay mới                   | Đơn vị | Khối lượng | Thông số kỹ thuật                                                                                        |
|    |                    |                                | 1   | Động cơ bơm phun dầu                          | Cái    | 1          |                                                                                                          |

|  |  |  |   |                     |      |   |                                                                                                          |
|--|--|--|---|---------------------|------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | 2 | Cải tạo buồng đốt 1 | Hộp  | 1 | Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn TCQS 592:2021/TCHC/QN Ban hành theo thông Quyết định 620/QĐ-HC |
|  |  |  | 3 | Bình ắc qui khô     | Bình | 1 |                                                                                                          |
|  |  |  | 4 | Van gạt 20          | Cái  | 3 |                                                                                                          |
|  |  |  | 5 | Van gạt 15          | Cái  | 2 |                                                                                                          |
|  |  |  | 6 | Aptomats 2 cực      | Cái  | 2 |                                                                                                          |

### **3.3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ các công việc được giao theo hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ tổ chức nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bàn giao tất cả các tài liệu có liên quan đến hàng hóa và hoàn thiện các nội dung còn tồn tại trước khi được nghiệm thu.

- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để kiểm định lại chất lượng nhằm mục đích tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng dịch vụ do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và hợp đồng đã ký kết.

### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận.
2. Kế hoạch công tác.